

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BNMT-CCPT
V/v trả lời, giải quyết kiến nghị của cử tri gửi tới
Quốc hội sau Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tây Ninh do Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội chuyển đến tại Văn bản số 1099/UBNDGS15 ngày 29 tháng 7 năm 2025 về việc chuyển kiến nghị của cử tri gửi sau Kỳ họp thứ 9, Quốc hội Khóa XV với nội dung: *"Trước tình trạng giá cả vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu, xăng, dầu ngày càng tăng nhưng đầu ra sản phẩm nông nghiệp còn bấp bênh, không có nơi tiêu thụ, sản xuất không có lãi, cuộc sống của người nông dân gặp nhiều khó khăn. Cử tri kiến nghị có giải pháp bình ổn giá, nâng giá trị sản phẩm nông nghiệp, định hướng sản xuất và tháo gỡ khó khăn trong khâu tiêu thụ cho người nông dân (câu số 44)".*

Bộ Nông nghiệp và Môi trường trân trọng cảm ơn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh, Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội đã gửi ý kiến kiến nghị của cử tri tỉnh Tây Ninh đến Bộ.

Về kiến nghị này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xin báo cáo Đoàn đại biểu Quốc hội và cử tri tỉnh Tây Ninh như sau:

1. Về giải pháp bình ổn giá vật tư nông nghiệp, giá nông sản

a) Về giá vật tư nông nghiệp:

Luật Giá năm 2023 đã quy định các loại vật tư nông nghiệp như: phân bón (Phân đạm; phân DAP; phân NPK), thuốc bảo vệ thực vật thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá. Luật cũng quy định cụ thể về nguyên tắc và các trường hợp bình ổn giá, các biện pháp bình ổn giá, tổ chức thực hiện bình ổn giá.

Trong thời gian qua, để góp phần ổn định thị trường, đảm bảo nguồn cung phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất nông nghiệp trong nước, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện một số giải pháp sau:

- Ban hành cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh vật tư nông nghiệp, để người dân có nhiều cơ hội lựa chọn những sản phẩm có chất lượng, giá cả hợp lý.

- Yêu cầu các cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp thực hiện niêm yết giá theo quy định của pháp luật về giá.

- Chỉ đạo các cơ sở sản xuất vật tư nông nghiệp duy trì, phát huy tối đa công suất để cung ứng nhanh, kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp.

- Khuyến khích, hỗ trợ nông dân tự sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ từ nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước (phụ phẩm trồng trọt, chế biến nông sản, chất thải chăn nuôi, rác thải sinh hoạt...) .

- Chỉ đạo, đôn đốc các địa phương tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và hướng dẫn người dân sử dụng phân bón tiết kiệm, cân đối, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí.

- Phối hợp với các Bộ, ngành tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong sản xuất, kinh doanh, lưu thông, sử dụng vật tư nông nghiệp và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm theo quy định.

Hiện tại, nguồn cung phân bón dồi dào, giá các loại phân bón trong nước luôn duy trì giá thấp hơn sản phẩm nhập khẩu cùng loại. Giá thuốc bảo vệ thực vật trung bình của hầu hết các loại thuốc bảo vệ thực vật đã giảm so với cùng kỳ năm 2024 khoảng 5-6%. Một số hoạt chất cũng đã giảm tương đối mạnh như Butachlor, Imidacloprid, Dinotefuran, Indoxacarb, Chlorfenapyr (giảm 15-20% so với cùng kỳ năm 2024).

b) Về giá nông sản:

Bộ Nông nghiệp và Môi trường luôn theo dõi sát diễn biến thị trường, thường xuyên cung cấp thông tin và có đại diện tham gia Ban chỉ đạo điều hành giá của Chính phủ, Tổ Điều hành thị trường trong nước để nắm bắt, phân tích, đánh giá và dự báo về cung cầu, giá cả; kiến nghị Chính phủ các giải pháp xử lý nhằm đảm bảo ổn định và phát triển thị trường.

Hiện nay, Nhà nước đóng vai trò định hướng và điều tiết thông qua các công cụ chính sách hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, chế biến hoặc hỗ trợ tạm trữ khi giá thị trường sụt giảm (như đã thực hiện đối với lúa gạo, cà phê...).

2. Về nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, định hướng sản xuất

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chú trọng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nông sản, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, mở rộng thị trường xuất khẩu và tăng giá trị gia tăng cho sản phẩm, cụ thể:

a) Về cơ chế, chính sách, chiến lược, đề án phát triển ngành hàng:

Bộ triển khai một số cơ chế, chính sách, chiến lược, đề án sau:

- Nghị quyết 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

- Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030 (Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- Các Đề án về xây dựng vùng nguyên liệu, phát triển chế biến một số sản phẩm chủ lực (rau quả, thủy sản, gỗ, sản phẩm chăn nuôi...).

b) Phát triển liên kết chuỗi giá trị; ứng dụng khoa học - công nghệ; đào tạo, nâng cao năng lực; tăng cường kiểm soát chất lượng:

- Thúc đẩy liên kết sản xuất tiêu thụ theo chuỗi ngành hàng để giảm thiểu chi phí trung gian và gắn với phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn. Đến hết tháng 6 năm 2025, cả nước có 2.412 HTX, 538 THT, 1.305 doanh nghiệp và 211.545 hộ nông dân tham gia phát triển liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP. Các địa phương đã phê duyệt được 2.938 dự án, kế hoạch liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP trong đó trồng trọt chiếm 67%, chăn nuôi 23,7%, thủy sản trên 2,5%, lâm sản 6,3%.

- Triển khai các Chương trình phối hợp giữa Chính phủ và Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng, an toàn vì sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình phối hợp với các địa phương (TP. Hà Nội, Hồ Chí Minh và Cần Thơ) nâng cao chất lượng chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản bền vững.

- Chỉ đạo tổ chức sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, phát triển chuỗi giá trị cung ứng nông sản thực phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. Diện tích cây trồng được chứng nhận VietGAP là 322.497 ha với 10.081 cơ sở, doanh nghiệp được chứng nhận; diện tích nuôi trồng thủy sản được chứng nhận VietGAP là 11.054 ha với 773 cơ sở được chứng nhận; có 4.170 trang trại và hộ chăn nuôi được chứng nhận VietGAHP và 3.676 cơ sở, vùng chăn nuôi được cấp giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh tại 59 tỉnh, thành phố.

c) Về phát triển thương hiệu:

- Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam: Từ năm 2003, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phối hợp với Bộ Công Thương triển khai Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam, đã tổ chức 09 kỳ xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia. Năm 2024, Chương trình đã xét chọn 359 sản phẩm của 190 doanh nghiệp đạt Thương hiệu Quốc gia, trong đó có 52 sản phẩm (của 26 doanh nghiệp) thuộc lĩnh vực nông nghiệp được

chọn, chiếm 14,4% tổng số sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia.

- Chương trình Thương hiệu quốc gia Gạo Việt Nam: thực hiện Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận gạo Việt Nam. Ngày 09 tháng 8 năm 2018, Bộ Khoa học và Công nghệ đã cấp Giấy chứng nhận Nhãn hiệu quốc gia GAO VIỆT NAM/VIETNAM RICE, có hiệu lực trong 10 năm. Nhãn hiệu “GAO VIỆT NAM/VIETNAM RICE” cũng được bảo hộ tại 22 quốc gia theo Hệ thống Madrid.

- Chương trình xây dựng Thương hiệu Cà phê chất lượng cao: Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia “Cà phê Việt Nam chất lượng cao” đã được phê duyệt tại Quyết định số 4653/QĐ-BNN-KHCN ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với mục tiêu là phát triển liên kết sản xuất, tiêu thụ, xây dựng vùng nguyên liệu cà phê hàng hóa chất lượng cao, quy mô lớn, có hệ thống sấy, kho bảo quản và nhà máy chế biến phù hợp với quy mô sản xuất. Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ Nhãn hiệu chứng nhận Cà phê Việt Nam chất lượng cao (cho sản phẩm cà phê nhân, cà phê rang và cà phê bột), hiện đang chờ được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp văn bằng bảo hộ.

3. Về tháo gỡ khó khăn trong tiêu thụ nông sản, ổn định cung cầu thị trường

Thời gian qua, Bộ triển khai thực hiện các giải pháp xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nội địa, đàm phán tháo gỡ rào cản kỹ thuật, mở cửa thị trường, thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản:

a) Đối với thị trường trong nước:

Tổ chức kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản đặc sản địa phương tới thị trường các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh thông qua các diễn đàn trọng điểm; Tổ chức xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá sản phẩm nông sản sản xuất theo mô hình VietGAP, chất lượng cao, an toàn, hữu cơ, sản phẩm OCOP,... thông qua các sự kiện lớn như hội chợ, triển lãm và các phiên chợ; tổ chức Hội chợ AgroViet, Hội chợ Làng nghề Việt Nam, tuần hàng nông sản địa phương tại nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước; Phối hợp triển khai các hoạt động hợp tác với các cơ quan, hiệp hội, doanh nghiệp phân phối, logistics lớn để hỗ trợ chuyển đổi số, khai thác tối đa các kênh thương mại điện tử như Postmart, Voso, Shopee, Tiki, Ladaza... và các nền tảng bán hàng trực tuyến hỗ trợ các chủ thể nhỏ tiếp cận người tiêu dùng như Tiktok Shop.

b) Đối với thị trường xuất khẩu:

- Ban hành và triển khai Quyết định số 2396/BNMT-CCPT ngày 27 tháng 6 năm 2025 về kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu nông lâm nghiệp và thủy sản năm 2025 để đạt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu đạt 65 tỷ USD.

- Phối hợp với Đại sứ quán, Tham tán Thương mại, gia tăng vai trò của Tham tán Nông nghiệp Việt Nam tại các nước để xây dựng các kênh trao đổi, cung cấp thông tin thị trường, tăng cường xúc tiến, quảng bá đối với các sản phẩm

đã được mở cửa, xuất khẩu chính ngạch gắn liền với các hoạt động ngoại giao của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và của Bộ vào các thị trường lớn (Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, Nhật, Hàn Quốc, Nga, ...) để củng cố thị trường hiện có.

- Chỉ đạo các đơn vị chức năng tổ chức các đoàn làm việc trực tiếp với cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu nhằm tháo gỡ rào cản kết hợp với tổ chức các Hội nghị, tọa đàm quảng bá, giới thiệu, kết nối phát triển thị trường nông lâm thủy sản tại nước ngoài (trung bình từ 5 đến 6 đoàn/năm). Đến tháng 8 năm 2025, tổng số cơ sở xuất khẩu thủy sản vào các thị trường là: Hàn Quốc 813 cơ sở; EU 512 cơ sở; Trung Quốc 638 cơ sở; Liên minh kinh tế Á Âu 87 cơ sở; Hoa Kỳ 31 cơ sở; Braxin 195 cơ sở; Achentina 212 cơ sở; Indonesia 865 cơ sở; Đài Loan 807 cơ sở, Ấn Độ 137 cơ sở. Cả nước đã có 9.151 mã số vùng trồng và 1.728 mã số cơ sở đóng gói được địa phương cấp phục vụ yêu cầu xuất khẩu cho các loại quả tươi (thanh long, xoài, vú sữa, chuối, bưởi, chanh leo, chanh không hạt, nhãn, vải, ổi, thạch đen, sầu riêng, mít...), đã được các nước phê duyệt, gắn mã và sẵn sàng xuất khẩu.

Song song với các giải pháp của Chính phủ và các bộ ngành, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh: Chủ động, tích cực triển khai các cơ chế chính sách hiện hành, thu hút doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh; rà soát, điều chỉnh quy mô và cơ cấu sản xuất phù hợp, tổ chức sản xuất theo tín hiệu và nhu cầu thị trường, có mã số vùng trồng, vùng nuôi, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, chất lượng sản phẩm, đáp ứng các quy định của thị trường quốc tế; tăng cường quản lý giá vật tư nông nghiệp theo Luật Giá.

Trên đây là các ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trân trọng kính gửi Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh để thông tin tới cử tri. Bộ Nông nghiệp và Môi trường trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, đồng hành của Đoàn đại biểu Quốc hội và cử tri tỉnh Tây Ninh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đoàn Chủ tịch UBTWMTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh Tây Ninh;
- Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh Tây Ninh ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh Tây Ninh;
- Thứ trưởng Trần Thanh Nam;
- Vụ Pháp chế (để tổng hợp, theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng tải trên Cổng TTĐT của Bộ);
- Lưu: VT, CCPT.

Q. BỘ TRƯỞNG

Trần Đức Thắng